

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25 /QĐ-ĐHTNH ngày 13/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

I. CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Tên ngành đào tạo: **KINH DOANH THƯƠNG MẠI** (Mã số: 7340121)

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (Program Objectives)

1.1. MỤC TIÊU CHUNG (Program General Objectives)

Đào tạo cử nhân Kinh doanh thương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội cao, nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kinh tế, quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh thương mại ở doanh nghiệp, kiến thức hoạch định chiến lược, chính sách thương mại trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ (Program Specific Objectives)

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Kinh doanh thương mại trang bị cho sinh viên:

a) Về kiến thức:

- PSO1: Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (toán học, xác suất thống kê), lý luận chính trị, pháp luật, ngoại ngữ (tiếng Anh) giúp sinh viên có khả năng làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp.
- PSO2: Kiến thức cơ sở ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Công nghệ thông tin, Pháp luật kinh tế giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu, giải quyết những vấn đề về Quản lý kinh tế trong các ngành kinh tế và trong các doanh nghiệp.
- PSO3: Kiến thức chuyên sâu về các hiệp định thương mại quốc tế, phân tích hoạt động kinh doanh, Marketing, Quản trị logistics – Quản trị chuỗi cung ứng trong các tổ chức, doanh nghiệp; giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, xây dựng được các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch marketing. Kiến thức chuyên sâu về Marketing quốc tế, Thương mại dịch vụ để có năng lực tiến hành các hoạt động Kinh doanh thương mại trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau.

b) Về kỹ năng:

- PSO4: Có kỹ năng xây dựng các giải pháp về quản trị hoạt động Marketing, Logistics, Quản trị chuỗi cung ứng, quản trị thương hiệu, kỹ năng quản trị quan hệ khách hàng, kỹ năng đàm phán thương mại trong các doanh nghiệp.
- PSO5: Có kỹ năng triển khai các hoạt động tác nghiệp trong kinh doanh quốc tế, kỹ năng phân phối và bán hàng trong các loại hình doanh nghiệp.
- PSO6: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phân tích, nghiên cứu, phản biện khoa học. Kỹ năng giao tiếp, thương thảo, thuyết trình trong các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế và kinh doanh.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- PSO7: Có ý thức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ người dân, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- PSO8: Có năng lực tự chủ, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. VỀ KIẾN THỨC

- PLO1: Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, về đường lối của cách mạng Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu biết khái quát về chính sách về an ninh, quốc phòng Việt Nam.
- PLO2: Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (toán học, xác suất thống kê), có khả năng giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh trong các hoạt động ở trình độ sơ cấp, trung cấp.
- PLO3: Hiểu được các kiến thức cơ sở ngành Quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, Luật kinh tế, Công nghệ thông tin,... để sinh viên có thể nghiên cứu, giải quyết những vấn đề Kinh doanh thương mại trong các ngành kinh tế và trong các doanh nghiệp..
- PLO4: Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về phân tích, lập kế hoạch, xây dựng các phương án kinh doanh trong các tổ chức, doanh nghiệp.
- PLO5: Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về các hoạt động Marketing, Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng, các tác nghiệp kinh doanh trong các tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. VỀ KỸ NĂNG

- PLO6: Có kỹ năng giải quyết, vận dụng kiến thức về Quản trị kinh doanh và Kinh doanh thương mại để ứng dụng vào thực tế các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp Tài chính, Ngân hàng. Có kỹ năng phân tích kinh doanh, xây dựng các phương án tác nghiệp Marketing, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp. Có kỹ năng quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế, Quản trị thương hiệu, Quản trị kênh phân phối – bán hàng, và Quản trị xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp.
- PLO7: Có kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm; khả năng tìm kiếm cơ hội việc làm cho bản thân và cho người khác.
- PLO8: Có kỹ năng giao tiếp, thương thảo, thuyết trình bằng tiếng Anh trong các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại

2.3. VỀ NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM

- PLO9: Có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm; trung thực và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thượng tôn pháp luật; có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.
- PLO 10: Có năng lực tự chủ, đưa ra kết luận chuyên môn độc lập; khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng; khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao năng lực chuyên môn.
- PLO 11: Có khả năng làm việc độc lập; Khả năng hướng dẫn, giám sát người khác trong thực hiện nhiệm vụ xác định.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có nguyện vọng được tuyển vào Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội và đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như quy định trong Đề án tuyển sinh của Trường ĐH Tài

chính - Ngân hàng Hà Nội công bố hàng năm.

4. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc tại các cơ quan nhà nước; các trường đại học, cao đẳng; các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực:

- Làm nhà quản trị kinh doanh và chuyên viên Kinh doanh thương mại trong các tổ chức và doanh nghiệp.
- Nhà quản trị Marketing, Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng trong các tổ chức và doanh nghiệp.
- Chuyên viên quản trị và tư vấn về xúc tiến thương mại, quản trị kênh phân phối – bán hàng, quản trị thương hiệu trong các tổ chức và doanh nghiệp.
- Giảng viên Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Quản trị xúc tiến, Quản trị marketing, Quản trị Logistics kinh doanh, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị kênh phân phối – Bán hàng, Quản trị thương hiệu, Quản trị xúc tiến trong các trường Cao đẳng, Đại học;

5. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ

5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	43
1.1	Lý luận chính trị, pháp luật	13
1.2	Khoa học tự nhiên, xã hội, tin học	11
1.3	Ngoại ngữ	8
1.4	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh	11
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	8
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	32
2.3	Kiến thức chuyên ngành	41
2.4	Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp	10
	Tổng cộng (1+2)	134

5.3. Nội dung của Chương trình đào tạo:

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (General Knowledge)	43	
		<i>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	41	
1.1		Lý luận chính trị, pháp luật	13	
1	DCB.03.11	Triết học Mác - Lê-nin (Philosophy of Marxism - Leninism)	3	
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin (Political economics of Marxism - Leninism 2)	2	
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	
4	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
5	DCB.03.14	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
6	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2	
1.2		Khoa học tự nhiên, tin học	9	
7	DCB.05.14	Toán cao cấp (Advanced mathematics)	3	
8	DCB.05.15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and mathematical statistics)	2	
9	DCB.05.11	Tin học 1 (Information technology 1)	2	
10	DCB.05.12	Tin học 2 (Information technology 2)	2	
1.3		Ngoại ngữ	8	
11	DCB.04.06	Tiếng Anh 1 (English 1)	4	
12	DCB.04.07	Tiếng Anh 2 (English 2)	4	
1.4		Giáo dục thể chất, Quốc phòng - An ninh	11	
		<i>Giáo dục Thể chất (Physical education)</i>	3	
13	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	
		<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh (National defense and security education)</i>	8	
14	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng CS Việt Nam	3	
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2	
	DCB.01.03	Quân sự chung và Kỹ chiến thuật bộ binh	3	
		<i>* Các học phần tự chọn (Optional courses)</i>	2	
15	DCB.03.08	Xã hội học (Sociology)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
16	DCB.02.12	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	2	
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91	
2.1		Kiến thức cơ sở khối ngành	8	
		<i>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	6	
17	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	
18	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
		<i>* Các học phần tự chọn (Optional courses)</i>	2	
19	DCB.02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
20	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
2.2		Kiến thức cơ sở ngành	32	
21	DQK.02.09	Quản trị học (Management studies)	3	
22	DQK.01.06	Marketing căn bản (Essentials of marketing)	3	
23	DCB.02.06	Nguyên lý thống kê (Theory of statistics)	2	
24	DKT.01.32	Nguyên lý kế toán (Theory of Accounting)	2	
25	DTN.02.07	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ (Theory of finance and money)	3	
26	DQK.01.30	Hiệp định thương mại quốc tế (International trade Agreement)	3	
27	DQK.02.01	Hệ thống thông tin quản trị (Management information system)	2	
28	DCB.04.08	Tiếng Anh 3 (English 3)	4	
29	DTA.20.40	Tiếng anh chuyên ngành 1 (English for finance & banking - course 1)	4	
30	DTA.20.41	Tiếng anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2)	4	
31	DLKT.38.49	Pháp luật thương mại (commercial law)	3	
2.3		Kiến thức chuyên ngành	33	
		<i>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	29	
32	DQK.01.10	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business operation analysis)	2	
33	DQK.02.04	Quản trị chiến lược (Strategic management)	3	
34	DQK.02.14	Quản trị nguồn nhân lực (Human resources management)	2	
35	DTN.02.38	Quản trị tài chính doanh nghiệp (Management of Corporate finance)	2	
36	DQK.02.34	Quản trị thương mại điện tử (Managinge-commerce)	3	
37	DQK.01.27	Quản trị thương mại – dịch vụ (Management of Trade and Services)	2	
38	DQK.01.28	Quản trị chuỗi cung ứng 1 (Supply chain management 1)	2	
39	DQK.01.26	Quản trị Marketing kỹ thuật số (Digital marketing Management)	3	
40	DQK.02.49	Quản trị bán hàng (Sales management)	2	
41	DQK.01.16	Xúc tiến thương mại (Commerce Promotion)	2	
42	DQK.02.10	Quản trị kênh phân phối (Distribution channel management)	2	
43	DQK.01.29	Quản trị chuỗi cung ứng 2 (Supply chain management 2)	2	
44	DQK.02.17	Quản trị thương hiệu (Brand management)	2	
45	DQK.02.32	Quản trị Logistics kinh doanh (Business logistics management)	3	
46	DQK.02.03	Quản trị chất lượng (Quality Management)	2	
47	DQK.01.25	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế (Operational managementof international trade)	2	
		<i>* Các học phần tự chọn (Optional courses)</i>	4	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
48	DQK.02.36	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	2	Chọn 2 trong 6 học phần
49	DQK.01.02	Đàm phán thương mại (Trade negotiation)	2	
50	DQK.01.11	Tâm lý kinh doanh (Business Psychology)	2	
51	DQK.02.46	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	
52	DQK.02.51	Quản trị sản phẩm (Product Management)	2	
53	DQK.02.52	Quản trị giá (Price management)	2	
2.4		Thực tập cuối khóa và Luận văn tốt nghiệp	10	
54	DQK.01.18	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	
55	DQK.01.19	Luận văn tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	
Tổng cộng			134	

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

6.1 Phương pháp giảng dạy:

Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học
1	Phương pháp chung là thuyết trình kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học tích cực sau đây:
2	Phương pháp dạy học theo nhóm: Thảo luận nhóm; làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm
3	Phương pháp dạy học theo tình huống thực tế
4	Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu bài học tại nhà, thuyết trình và thảo luận tại lớp
5	Dạy học trải nghiệm: Kiến tập, thực tập doanh nghiệp
6	Hướng dẫn tự học

6.2 Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

6.2.1 Các phương pháp đánh giá

a) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

b) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

- Vấn đáp: Theo câu hỏi, theo Bài tập lớn.
- Viết: Tự luận, trắc nghiệm, bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp.
- Thuyết trình: Nội dung tự nghiên cứu tại nhà.

6.2.2 Các hình thức đánh giá

- Đánh giá thường xuyên
- Đánh giá định kỳ
- Đánh giá tổng kết: Kết thúc học phần, kết thúc khóa học.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

7.1 Cơ sở vật chất, công nghệ

Sử dụng cơ sở vật chất, công nghệ (các giảng đường, phòng máy tính thực hành, internet) tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường và cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tại các đơn vị có hợp tác với Nhà trường.

7.2 Học liệu

Sinh viên sử dụng một 1 giáo trình chính và 2 tài liệu tham khảo.

8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 102/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 14/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần trong tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo các quyết định số 102/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 14/6/2021 và quyết định số 108/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội./.